

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2025/HNGĐ-ST

Ngày 23 - 6 - 2025

Về việc: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Khánh Linh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Đức

2. Bà Hoàng Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Huyền Trang - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 83/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1950;

Nơi cư trú: thôn H, xã V1, thành phố T, tỉnh T. Chỗ ở hiện nay: thôn L, xã V1, thành phố T, tỉnh T. (*Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

2. Bị đơn: Ông **Phí Văn N**, sinh năm 1923;

Nơi cư trú: thôn H, xã V1, thành phố T, tỉnh T. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:*

Bà và ông Phí Văn N chung sống với nhau từ năm 2005, đến ngày 30/5/2017 ông bà tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã V1, thành phố T, tỉnh

T. Sau khi kết hôn ông bà chung sống hòa thuận. Đến nay ông N đã già yếu, ông bà không có con chung, con trai ông N muốn đuổi bà ra khỏi nhà. Cuối tháng 2 năm 2025 bà đã phải về nhà cháu để ở. Nay bà xác định giữa bà và ông N không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân nên đề nghị Tòa án cho bà được ly hôn với ông N. Về con chung: ông bà không có con chung. Về tài sản: Ông bà không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

** Tòa án đã gửi, tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho bị đơn, nhưng bị đơn ông Phí Văn N không đến Tòa án giải quyết và cũng không gửi về Tòa án văn bản trình bày ý kiến, quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

** Biên bản xác minh ngày 17/4/2025, anh Phí Đăng T1, sinh năm 1974; Trú tại: thôn H, xã V1, thành phố T, tỉnh T là con trai ruột của ông Phí Văn N trình bày:*

Bà V và ông N có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã V1, thành phố T, tỉnh T. Sau khi đăng ký kết hôn, ông bà sinh sống tại nhà ông N tại thôn H, xã V1. Thời gian chung sống, ông bà không có mâu thuẫn gì nhưng bà V hay giận dỗi bỏ về nhà. Đến tháng 02/2025, bà V bỏ về nhà do tức chúng tôi không bên vực bà khi bà cãi nhau với cháu ruột chứ chúng tôi chưa từng có ý định đuổi bà ra khỏi nhà như bà đã trình bày. Nay bà V có đơn xin ly hôn ông N, quan điểm của gia đình mong bà vẫn về nhà để chăm sóc ông và con cái như trước. Trong trường hợp bà kiên quyết ly hôn, gia đình đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung: ông bà không có con chung, không đặt ra giải quyết. Về tài sản: ông bà không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Biên bản xác minh ngày 17/4/2025, ông Đào Duy T2 - Trưởng thôn H, xã V1, thành phố T, tỉnh T cung cấp:*

Bà V và ông N có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã V1, thành phố T, tỉnh T. Sau khi đăng ký kết hôn, ông bà sinh sống tại nhà ông N tại thôn H, xã V1. Thời gian chung sống, giữa ông bà có mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm được. Địa phương được biết ông bà đã già yếu, bà V do ốm bệnh nên đã trở về nhà để đẻ sinh sống tại thôn L, xã V1, thành phố T, tỉnh T từ tháng 02/2025. Cho đến nay, địa phương không thấy bà về nhà ông N. Nay bà V có đơn xin ly hôn ông N, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Về con chung: ông bà không có con chung. Về tài sản: Địa phương không nắm rõ ông bà có tài sản chung, nợ chung gì của ai hay không.

** Biên bản xác minh ngày 14/5/2025, ông Nguyễn Văn T3 - Trưởng thôn L, xã V1, thành phố T, tỉnh T cung cấp:*

Bà V và ông N có đăng ký kết hôn hợp pháp. Sau khi đăng ký kết hôn, ông bà sinh sống tại nhà ông N tại thôn H, xã V1. Quá trình chung sống, địa

phương không biết giữa ông bà có mâu thuẫn cụ thể như thế nào. Khoảng đầu năm 2025, bà V có về địa phương, địa phương có nghe nói là bà V bị con của ông N đuổi nên bà V về ở với em dâu bà V từ đó cho đến nay. Nay Tòa án xuống làm việc, địa phương được biết là bà V có đơn xin ly hôn ông N, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Về con chung: ông bà không có con chung. Về tài sản: Địa phương không nắm rõ ông bà có tài sản chung, nợ chung gì của ai hay không. Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, địa phương không có ý kiến gì.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến:***

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho bà Nguyễn Thị V ly hôn với ông Phí Văn N. Về con chung: Ông bà không có con chung nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản: Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông N không có văn bản nào gửi về Tòa án thể hiện quan điểm của mình về phần tài sản, không có lời khai về phần tài sản nên không đặt ra giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị V không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự đến phiên tòa để tham gia tố tụng, nhưng nguyên đơn bà Nguyễn Thị V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Phí Văn N vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị V và ông Phí Văn N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 30/5/2017, khi kết hôn ông bà đủ điều kiện kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau

khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến nay hai vợ chồng không có con chung, từ tháng 2/2025 bà V đã về sống cùng em dâu, vợ chồng ông bà sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Bà V xác định không thể đoàn tụ tiếp tục chung sống với ông N, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án cho bà được ly hôn với ông N. Quá trình giải quyết, ông không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, Tòa án đã đến tận gia đình để làm việc nhưng ông không trình bày quan điểm về quan hệ hôn nhân, điều này thể hiện bản thân ông không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Xét thấy, tình cảm vợ chồng của bà V, ông N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho bà Nguyễn Thị V ly hôn ông Phí Văn N là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị V và ông Phí Văn N không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản: Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông N không có văn bản nào gửi Tòa án thể hiện quan điểm của mình về phần tài sản, không có lời khai về phần tài sản nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Bà V là người cao tuổi và có đơn đề nghị xin miễn án phí nên bà V được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 235; 238; 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị V được ly hôn ông Phí Văn N.

2. Về con chung: Bà V và ông N không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị V được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị V và bị đơn ông Phí Văn N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Thái Bình;
- Chi cục THADS TP Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND xã V1, thành phố T, tỉnh T; GCNKH số 32 ngày 30/5/2017).
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Khánh Linh